VĂN HỌC VÀ ĐẠO ĐỨC – NHÌN TỪ LỊCH SỬ VĂN CHƯƠNG VIỆT

Phong Lê*

Đặt vấn đề: *Văn học nghệ thuật và vấn đề đạo đức xã hội* tôi không khỏi có chút bâng khuâng – nói đúng ra là băn khoăn. Từ vài chục năm nay, ít ra là từ cuối thập niên 1990 văn nghệ ta ít đặt vấn đề này. Mà là những vấn đề có liên quan đến hiện đại hoặc hậu hiện đại, với sự tiếp cận những cái mới đến từ một thế giới nghệ thuật nhiều chục năm nay có phần xa lạ với ta, và "phe ta". Trước 1986, trong quỹ đạo hiện thực xã hội chủ nghĩa, văn học- nghệ thuật gắn bó rất sâu với chức năng giáo dục, trong đó chủ yếu là giáo dục lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tính đảng và tính giai cấp, nêu gương Con người mới...; nó là sự nối dài quan niệm "Văn hóa- nghệ thuật cũng là một mặt trận" của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Thư gửi các họa sĩ, nhân Triển lãm hội họa năm 1951. Từ Đổi mới, rồi hội nhập, mối quan tâm hàng đầu của sáng tác và lý luận phê bình dần dần chuyển sang yêu cầu tiếp cận và tiếp nhận các phương thức canh tác mới nằm trong một hệ thống những gì được gọi là tiên tiến đang đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại. Và như vậy, mối quan tâm của sáng tác và lý luận phê bình là hướng tới yêu cầu giải trung tâm, giải cấu trúc; bỏ đại tự sự thay bằng tiểu tự sự; đa dạng hóa ngôi kể và điểm nhìn; đặt ở vị trí cao nhất những tìm kiếm về ngôn từ, bút pháp, giọng điệu... Vân vân. Và quả là, với những phương thức mới đó, sáng tác và nghiên cứu - lý luận - phê bình đã có một diện mạo mới trong thành tựu của một đội ngũ trẻ từ 6X đến 9X đang đông dần lên, để thay thế những lực lượng viết từ 5X trở về trước đang ít ỏi dần và cũ dần theo năm tháng.

Đương nhiên văn học có quan hệ với đạo đức, ít ra là trên hai phương diện. Thứ nhất – đạo đức là đối tượng phản ánh rộng lớn của văn học. Bởi đạo đức là một phương diện sống cơ bản của con người. Là những quy ước – thành văn hoặc không thành văn mà con người phải tuân thủ, từ đó kiến tạo nên xã hội người. Thứ hai – văn học từng có chức năng giáo dục đạo đức, hoặc ít ra phải có hiệu quả đạo đức, xét theo lịch sử tồn tại của nó – cho đến thời hiện đại.

Thoạt đầu thì phân vân, nhưng rồi, nghĩ đi ngẫm lại lại thấy mình có thể tiếp cận, và thâm nhập vào câu chuyện này, với không ít điều thú vị. Bởi mối quan hệ văn học và đạo đức quả đã có một lịch sử tồn tại, chứ không phải từ chân không – như sau này tôi sẽ trình bày. Và bởi, ở *thời điểm hôm nay*, hóa ra lại rất cần bàn, rất có lý do để bàn về vấn đề đạo đức.

x

x x

Là người nghiên cứu lịch sử, tôi xin phép được tiếp cận vấn đề từ lịch sử. Và cũng xin phép chỉ giới hạn trong phạm vi văn học.

Văn học trung đại, không nghi ngờ gì cả, gắn rất chặt với đạo đức trên tất cả các phương diện: đặc trưng, chức năng và mục tiêu. Văn chở đạo. Thơ nói chí. "Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm"... "Trai thời trung

* *Giáo sư – Tiến sĩ, Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam*

hiếu làm đầu. Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình". Những câu thơ rất được thuộc, và luôn được trích dẫn, của nhà Nho, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, người có sứ mệnh kết thúc văn học trung đại.

Văn học trung đại Việt có lịch sử một ngàn năm, được kiến tạo và mang đặc trưng nguyên hợp: Văn sử triết bất phân. Cần bổ sung thêm luân lý, đạo đức. *Bình Ngô đại cáo* là thế. *Gia huấn ca* cũng là thế. Toàn bộ truyện Nôm khuyết danh cho đến *Nhị độ mai, Phan Trần, Hoa tiên*... cũng là thế, đều có mục tiêu giáo hóa đạo đức. Toàn bộ yêu cầu về đạo đức nằm gọn và trọn vẹn trong các khuôn mẫu đã thành kinh điển Nho gia. Tam cương (quân-thần, phụ-tử, phu-phụ). Ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín). Ngũ luân (vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè bạn). Cùng với tứ đức (trung, hiếu, tiết, nghĩa) là đạo tam tòng dành riêng cho phụ nữ. Hàng nghìn năm, mọi quy chuẩn đó, ước thúc đó đã trở thành khuôn mẫu để nhà nước quản lý xã hội, và mọi tầng lớp nhân dân noi theo. Nội dung văn học trung đại tất nhiên phải được kiến tạo theo khuôn mẫu đó. Bởi toàn bộ xã hội không ra khỏi quỹ đạo đó. Trung với vua. Không ai nghĩ chuyện thay vua. Chỉ có chuyện thay hôn quân bằng minh quân. Hiếu với cha mẹ, khỏi phải bàn. Bao tấm gương hiếu tử được ghi vào lịch sử, mà rất ít các nghịch tử - những đứa con bất hiếu. Bởi đơn vị gia đình, gia tộc, dòng họ được giữ gìn rất kỹ lưỡng trong các đơn vị làng, xã cổ truyền, góp phần làm nên sự bền vững của các thiết chế phong kiến. Trong văn học dân gian, tôi có đọc một truyện cổ kể câu chuyện một người bố thấy đứa con ngồi đan sọt; hỏi đan để làm gì; nó bảo để đưa bố ra đồng; bởi nó từng thấy bố đan sọt đưa ông nội ra đồng bỏ đói cho chết. Pháp luật phong kiến xử nặng nhất tội bất trung và bất hiếu. Tội trò hại thầy cũng xử nặng như tội bất hiếu. Vậy là ba ngôi: *quân, sư, phụ* được đặt ở vị trí thiêng nhất. Ta bây giờ thay bằng trung với nước (hoặc với Đảng), hiếu với dân.

Như vậy, ở hai mối quan hệ cơ bản này thì cách quan niệm và xử lý của giai cấp thống trị và nhân dân vừa có khác nhau, vừa có giống nhau.

Còn đạo tam tòng của người phụ nữ. Chuyện này rất cần phải bàn vì có sự khác nhau, hoặc đối lập nhau giữa đạo lý phong kiến và đạo lý nhân dân. Xã hội phong kiến ngoài quân quyền, phụ quyền còn có nam quyền – dành quyền tối thượng cho đàn ông. "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô". Trai năm thê bảy thiếp. Vua Minh Mệnh có 142 con. Ông vua vô sinh Tự Đức lúc qua đời có 103 cung nữ phục vụ; đến năm 1911 còn 47 bà sống bên lăng mộ vua. Với văn học viết chính thống, khi nói đến phụ nữ phải khẳng định sự chính chuyên này – "tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử". Và tránh nói sắc dục, bởi đó là chuyện phòng the. Dễ hiểu văn học trung đại để lại bao nhiêu thơ văn, nhưng gần như không có, hoặc rất hiếm chuyện gái trai, sắc dục. *Chinh phụ ngâm*, kể chuyện người phụ nữ xa chồng, nhưng ít thấy có khát vọng "chăn gối". Chỉ có chuyện tưởng tượng về chồng: "Áo chàng đỏ tựa ráng pha...", và chuyện gánh nặng gia đình, với.. "lão thân buồn khi tựa cửa. Miệng hài nhi nhớ bữa mớm cơm". Còn *Cung oán ngâm*, nói chuyện phòng the, vắng thiếu đàn ông mà chỉ có hai câu thơ phảng phất chuyện ấy:

Cái đêm hôm ấy đêm gì
Bóng gương lồng bóng trà mi trập trùng

May mà văn hóa dân gian có vị trí hàng đầu của Đạo Mẫu và cả một kho ca dao trữ tình. Còn văn học viết thì sừng sững hai tác

gia lớn: Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du, để có cái mà tranh biện hơn thua, nghiêng ngửa với đạo lý Khổng Mạnh.

Nói thêm câu chuyện đạo tam tòng và chữ *trinh*, chữ *tiết* trong ứng xử với người phụ nữ. Bất kể ở giai tầng nào, trong xã hội phong kiến, tội nặng nhất đối với người phụ nữ – ngoài bất trung, bất hiếu, như đã nói trên, còn là chuyện ngoại tình, chuyện hoang thai, với hình phạt cao nhất là... voi giầy, là "gọt trọc bôi vôi". Sử có ghi lại một vài án phạt rùng rợn về chuyện này. Ngoài hoang thai còn là tuyệt tự, là vô hậu – tức là không đẻ được con, hoặc chỉ sinh con gái... Nhưng về với ca dao, về với đạo lý của nhân dân thì tội này được giảm nhẹ đi nhiều, thậm chí còn được thanh minh, được biện hộ - "*Gái chính chuyên lấy được chín chồng. Ta bế, ta bồng, ta dắt đi chơi*"... "*Không chồng mà chửa mới ngoan. Có chồng mà chửa thế gian sự thường*".

x

x x

Công cuộc hiện đại hóa, thực chất là Âu hóa sẽ làm thay đổi diện mạo văn hóa, văn chương, học thuật Việt trong nửa đầu thế kỷ XX. Trong chuyển đổi mô hình từ trung đại sang hiện đại, tình thế *nguyên hợp* văn sử triết sẽ chuyển sang hình thái chuyên nghiệp cho các loại hình văn chương- học thuật; từ đó làm biến đổi các chức năng – sẽ không còn chuyện *chở đạo* và *nói chí*, mà trước hết là *kể chuyện đời* – trong đó có chuyện đạo lý. Phải đến lúc này thì lý thuyết tự sự học mới có thể áp dụng, và phát huy tác dụng. Ở giai đoạn giao thời 1900-1930, nội dung đạo lý trong văn chương vẫn còn đậm, bởi những thay đổi trong xã hội từ cũ sang mới, từ bán phong kiến sang thuộc địa, làm hình thành giai cấp tư sản đem lại sự manh nha một xã hội mới, và làm rạn vỡ những cơ sở xã hội và đạo lý cổ truyền. Sự kiện này sẽ bao choán nội dung văn học Quốc ngữ mà tác giả là một thế hệ trí thức Nho học, hoặc Nho học kiêm Tây học, kể từ Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn, Hồ Biểu Chánh, Tản Đà... trở về trước. Lực lượng này kéo dài cho đến hết thập niên 1920. Và người đặt quả bom công phá cho trạng thái dằng co cũ – mới này là Hoàng Ngọc Phách, trong *Tố Tâm* (1925) – người khai mở nền văn xuôi mới và trào lưu văn học lãng mạn.

Từ Hoàng Ngọc Phách sẽ đến với Thơ mới và Tự lực văn đoàn chủ trương giải phóng cá nhân, trực diện chống lại luân lý phong kiến và chế độ đại gia đình, để có tự do trong tình yêu và hôn nhân, và các lạc thú cá nhân đang trong bứt phá ra khỏi các cuống nhau cộng đồng. Do bị ép đến khô héo trong hàng nghìn năm, nên yêu cầu giải phóng con người, tuy chưa có gì lớn lao – phải cần đến một cuộc cách mạng; nhưng những tiếng nói mới này của trào lưu lãng mạn cũng đã đem lại những khoảng sống dễ thở hơn cho con người. Quan niệm đạo đức luân lý cũ bị phê phán và từ bỏ, để thay cho những quan niệm sống mới, cùng với luân lý, đạo đức mới – được hiện thân trong những Tố Tâm, cô Mai hoặc cô Loan, cô Hiền hoặc cô Tuyết – được xem là những "cô gái mới", gợi nên sức hấp dẫn và ít nhiều gây sóng gió trong một vài cuộc tranh luận. Còn với Thơ mới thì trước hết đó là tiếng nói của tình yêu và những khát vọng khác của con người cá nhân, trước hết là khát vọng thoát ly thực tại, để trốn vào các thế giới của ước mơ và tưởng tượng, trong đó có thế giới của nhục cảm – nó là khu vực tối kiêng kỵ trong văn học trung đại.

Hàn Mặc Tử - một đời đau khổ nhường ấy, nhưng trong thơ vẫn có không ít những câu

rất khơi gợi, nói như Hoài Thanh là "vẩn đục":

Trăng nằm sóng soải bên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi
...
Ô kìa bóng nguyệt trần truồng tắm
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe.

Còn Xuân Diệu là người đứng ở hàng đầu những khát khao sắc dục:

Hãy sát đôi đầu, hãy kề đôi ngực
Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài
Những cánh tay hãy quấn riết đôi vai
Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt
Hãy khăng khít những cặp môi gắn chặt
Cho anh nghe đôi hàm ngọc của răng
Trong say sưa anh sẽ bảo em rằng:
Gần thêm nữa, thế vẫn còn xa lắm!

Cho đến Vũ Hoàng Chương thì đích đến còn xa hơn trong một đặc tả:

Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mải
Chút thơ ngây còn sót lại cũng vừa tan
Khi tỉnh dậy bùn nhơ nơi hạ giới
Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn

Chính vì nội dung này mà Thơ mới và Tự lực văn đoàn bị từ chối, và phê phán trong hơn nửa thế kỷ - sau 1945.

Ở trên là đời sống văn chương. Còn đời sống học thuật?

Nhiều cuộc tranh luận chung quanh cũ – mới đã diễn ra, và còn kéo dài cho đến 1945, chung quanh các vấn dề về quan niệm nhân sinh và quan niệm nghệ thuật, trong đó có liên quan đến luân lý, đạo đức, lối sống. Rất đáng nhớ đó là cuộc tranh luận giữa Phạm Quỳnh và Ngô Đức Kế chung quanh Nguyễn Du và *Truyện Kiều*, vào mở đầu thập niên 1920.

Một bên là Phạm Quỳnh với ý tưởng: "*Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn".

Một bên là Ngô Đức Kế, trong khi công kích Phạm Quỳnh, đã đẩy *Truyện Kiều* xuống vị trí một *dâm thư*, và nhân vật Kiều là *con đĩ*. Một tác phẩm, mà giá trị đạo đức là con số không, bởi "ai, dâm, sầu, oán, đạo, dục, tăng, bi" – tám chữ ấy không tránh đường nào cho khỏi...

Thoạt nhìn bên ngoài, đó là câu chuyện đạo đức; nhưng thực chất sau đạo đức là chuyện chính trị, chuyện xã hội...

Thời kỳ 1930-1945 chứng kiến nhiều cuộc giao tranh – chẳng hạn câu chuyện "Dâm hay không dâm" ở Vũ Trọng Phụng, gắn với những tác phẩm làm nên tên tuổi tác giả như *Giông tố, Số đỏ, Làm đĩ, Lục xì*... Đây là thời văn học Việt đã hoàn toàn đi vào quỹ đạo văn học phương Tây, sau khi dứt bỏ triệt để mô hình văn học trung đại. Thời kỳ văn học tách hẳn ra khỏi luân lý, đạo đức, để hướng đến những đặc trưng và chức năng riêng – trước hết là phản ánh hiện thực ở đời. Ba người có tuyên ngôn rõ rệt và đầy đủ về câu chuyện này là Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam, Nam Cao... Như vậy từ đây, đạo đức không còn là mục tiêu trực tiếp cho người viết chứng minh hoặc nhe nhắm; thay vào đó là sự thực – một sự thực bao gồm luân lý, đạo đức và các vấn đề có liên quan đến đạo đức. Còn việc đánh giá đạo đức đó ra sao là tùy thuộc vào lý tưởng sống và quan niệm nghệ thuật của cả người viết và người đọc.

Sau 1945, văn học đi vào quỹ đạo mới: dân tộc, đại chúng, khoa học. Vào kháng chiến chống Pháp là: dân tộc, hiện thực, nhân dân. Sau 1954 trên miền Bắc, và sau 1975 trên cả

nước cho đến 1990 là hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nội dung xuyên suốt và bao trùm tất cả các thời kỳ là: Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội. Để bảo đảm định hướng này cần một Đường lối văn nghệ nằm trong Đường lối cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong Đường lối văn nghệ có vấn đề trung tâm là chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, chủ trương miêu tả cuộc sống trong quá trình phát triển cách mạng; với nhân vật trung tâm là con người mới; với ba chức năng cơ bản là: nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ; trong đó giáo dục tuy ở vị trí thứ hai nhưng luôn luôn là tiêu chí quan trọng nhất cho việc đánh giá tác gia, tác phẩm. Có nghĩa là, nếu một tác phẩm nào đó xa rời, hoặc vi phạm tính Đảng, tức là gieo rắc nghi ngờ về mục tiêu của cách mạng; và có hại cho yêu cầu giáo dục con người – chẳng hạn cổ vũ cho lối sống cá nhân, vô tổ chức, hoặc đồi trụy thì sẽ là một "tai nạn nghề nghiệp" cho người viết.

Chức năng giáo dục trong một thời gian dài - kể từ sau 1954 cho đến hết thập niên 1980 nhằm hướng con người vào sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Định hướng lớn nhất, xa nhất là giáo dục lý tưởng - ở đây là Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội; còn giáo dục đạo đức thì nhấn mạnh ý thức tập thể: mình vì mọi người; tức là phủ định những gì liên quan đến cá nhân và chủ nghĩa cá nhân, lấy cái tôi làm trung tâm. Như vậy là không chỉ đạo đức phong kiến khắc kỷ hy sinh cái tôi thống trị hàng nghìn năm, mà cả đạo đức tư sản lấy cái tôi làm trung tâm, chỉ mới manh nha trong ba thập niên đầu thế kỷ XX đều phải thanh toán để nhường ngôi cho một nền đạo đức mới hình thành trên nguyên tắc: mình vì mọi người, mọi người vì mình; nâng cao đạo đức cách mạng (hoặc ý thức tập thể), quét sạch chủ nghĩa cá nhân... Văn học một thời dài từ sau 1945 đến thập niên 1980 là sự khẳng định nguyên tắc đạo đức mới này. Những gì đi vào quỹ đạo của đường lối văn nghệ của Đảng đều được khẳng định. Những gì đi chệch (chứ không phải là phản đối) đều bị phê phán theo những cấp độ khác nhau, bất kể là nhà văn công nhân thứ thiệt như Võ Huy Tâm trong *Những người thợ mỏ*, hoặc các bậc lão thành như Nguyễn Huy Tưởng trong *Một ngày chủ nhật*, Nguyễn Công Hoan trong *Đống rác cũ*, Nguyên Hồng trong *Chuyện con hùm con bồ côi*, Nguyễn Tuân trong *Phở, Giò lụa, Tờ hoa, Tình rừng*... Ở các tác phẩm tôi dẫn trên, sự phê phán không chỉ là lập trường, quan điểm; mà còn là đạo đức và nhân sinh quan. Trong các vụ, việc kể trên, tôi nhớ *Vào đời* của Hà Minh Tuân kể câu chuyện cô Sen – một thiếu nữ Hà Nội "vào đời" ở một công trường ngoại thành, với bao gian truân mà cô phải trải trong tình yêu, trong lập gia đình và lập nghiệp... nhận hai bài phê bình đặt ở đầu *Tạp chí Văn học* số 2 – tháng 8-1963; một có tên: *"Vào đời" một quyển truyện đầy rẫy tư tưởng tư sản phản động, một khuynh hướng nghệ thuật suy đồi*; và hai có tên: *Sai lầm của Hà Minh Tuân trong quyển "Vào đời" là sai lầm về lập trường tư tưởng*.

Hà Minh Tuân đã phải trả giá cho "sai lầm" của mình là thôi chức Giám đốc Nhà xuất bản, rồi chuyển cơ quan, nhiều chục năm treo bút, và bị chấn thương tinh thần. Bởi ông đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng, nếu đúng như phán quyết của hai nhà phê bình là Nguyễn Phan Ngọc và Trung Ngôn, trên *Tạp chí Văn học*! Nhưng, đọc kỹ vào tác phẩm thì thấy khó mà tìm ra đâu là tư tưởng tư sản gắn với phản động; cũng khó tìm đâu là khuynh hướng nghệ thuật đồi trụy trong câu chuyện tình yêu của Sen và chuyện Sen bị hai tên lưu

manh hiếp...

Trở lên là một lịch sử vấn đề - trong đó có vấn đề đạo đức gắn với việc thực hiện chức năng của văn chương, qua các giai đoạn trong lịch sử.

Chuyển sang thời Đổi mới và hội nhập, từ Đổi mới – năm 1986, sang hội nhập – năm 1995, thực trạng xã hội hoàn toàn thay đổi. Một thay đổi lớn, và có tầm rộng và sâu, hơn hẳn cuộc chuyển đổi từ trung đại sang hiện đại – đầu thế kỷ XX. Bởi, nó gắn với nền *kinh tế thị trường* – như một áp lực lớn của thời đại; gắn với *hội nhập* thế giới – thoát ra khỏi tình thế hai phe, đã bị tan vỡ từ 1990; gắn với cuộc *Toàn cầu hóa lần thứ 3* – chính thức diễn ra từ 2000; và với cuộc *Cách mạng thông tin* làm thay đổi toàn cảnh thế giới.

Những chuyển động như trên, theo tôi là chưa từng diễn ra trong lịch sử dân tộc.

Nếu tính từ 1995, khi đất nước bước vào hội nhập, đến nay, đất nước mới chỉ có 20 năm phát triển. Đó là 20 năm cả dân tộc đứng trước những *thử thách* và *cơ hội* gần như chưa có tiền lệ trong lịch sử. Hai mươi năm với những thành tựu lớn và mất mát lớn. Nhìn vào cái Được trên mọi lĩnh vực: ăn, ở, đi lại và các nhu cầu vui, chơi, giải trí thì chưa có lúc nào bằng lúc này. Đó là biểu hiện của sự tăng trưởng kinh tế. Nhưng cùng với những cái Được lớn đó thì những Mất mát cũng là rất lớn, mất ở đời sống văn hóa, tinh thần, trong đó có một hiện tượng gây nhức nhối trong luân lý, đạo đức – đó là nguy cơ *tan rã của gia đình* – đơn vị sống cơ bản của con người. Ở đó, *chữ hiếu* bị một đòn tử thương, trong những vụ con cháu giết cha mẹ, ông bà – chỉ vì sự tham lợi và đạo đức hư hỏng, đến mất hết nhân tính, nó là tội nặng nhất trong lịch sử tính cho đến thời hội nhập. Và sự *bất an* của xã hội, do sự tràn lấn của *cái ác*, và *cái giả*. Cái ác thì thiên hình vạn trạng, trên mọi lĩnh vực – mà Thẩm mỹ viện Cát Tường vứt xác bệnh nhân xuống sông chỉ là một ví dụ nhỏ. Còn cái giả thì chỉ cần tiếp xúc với phân bón giả, thuốc giả và bằng cấp giả - đủ thấy sự sống con người đang bị dồn đến chân tường như thế nào. Rộng ra, không kể đến những chuyện vô ơn và bạc nghĩa trong tình thầy trò; những loãng nhạt của tình bạn bè; những vô duyên, vô nghĩa trong tình đồng chí (một thời rất thiêng)... Đó là những hiện tượng gắn trực tiếp với sự suy thoái đạo đức trong xã hội, đưa đến sự bất an, thậm chí làm rã rời các cộng đồng người trong dân tộc.

Tất nhiên, thực trạng vẫn là sự xen cài giữa thiện-ác, tốt-xấu, thực-giả. Nhưng những mặt tích cực gần như bị chèn lấn, khuất lấp, bên cái tiêu cực gần như lộ diện ở khắp nơi, gồm cả đời sống công quyền, từ thấp lên cao; kể cả những khu vực lẽ ra là rất thiêng liêng, rất cao quý.

Từ tình hình trên tôi nghĩ đến lý do của việc tổ chức hội thảo: *Văn học và đạo đức xã hội*. Một hội thảo cần thiết và có ích. Bởi dẫu văn học hôm nay đứng trước *đa chức năng*, trong đó *chức năng giải trí* đang nổi lên, có lúc gần như lấn át, thì chức năng *nhân đạo hóa*, nhằm gây dựng hoặc trả lại *chất người* cho con người, nhằm làm cho *hoàn cảnh trở nên nhân đạo hơn* vẫn nên, hoặc vẫn phải là mục tiêu cao nhất, hoặc bao trùm. Nói cách khác, mục tiêu *hướng thiện* vẫn cứ là cái đích chung, hoặc xa nhất, cao nhất cho cả người viết và người đọc, nhất là khi con người đứng trước nguy cơ bị xâm hại và tha hóa; khi các cộng đồng người có nguy cơ tan vỡ. Và, nếu sự tan vỡ của cộng đồng người, sự hủy hoại của cá nhân con người đã đến mức báo động,

thì sự tồn tại của văn chương- nghệ thuật còn có ý nghĩa gì!

x

x x

Trở lên tôi xin phép không tổng kết (câu chuyện đó xin dành một dịp khác) mà chỉ lược kể về mối quan hệ giữa văn chương và đạo đức đã diễn ra trong đời sống văn hóa Việt như thế nào. Để đến thời điểm hôm nay tôi chỉ xin nêu hai mong mỏi:

Với người sáng tác – hãy gia tăng thêm mối quan tâm đối với những mặt tối là cái xấu, cái ác, cái hư hỏng thoái hóa đang có nguy cơ tràn lấn trong xã hội, với quyền được mong ước và tin tưởng không có vùng cấm nào đối với hoạt động văn học- nghệ thuật. Tất nhiên đó chỉ là lý thuyết; bởi ngày xưa là chuyện "ngục văn tự", còn ngày nay là "tai nạn nghề nghiệp". Vậy vấn đề là ở một nền chính trị sáng suốt. Và ở bản lĩnh của người viết, cùng với kỹ năng tự bảo vệ. Rất nhiều bậc thầy trong văn học nhân loại và văn học dân tộc cũng đều chịu áp lực này, và họ cũng đã thực hiện được tối ưu chức năng này trong hoàn cảnh của họ. Bởi đối với họ - sứ mệnh của văn chương- nghệ thuật không chỉ là nhận thức, là miêu tả, mà còn là giải thích, là tìm căn nguyên, là soi sâu vào thực trạng, để có một chiều sâu tư tưởng, và triết lý về thực trạng.

Với người nghiên cứu, phê bình, cũng vẫn nên là sự chú tâm vào xã hội, vào thực trạng, để quan tâm hơn đến nội dung; đến cái được mô tả; chứ không phải chỉ là phương thức miêu tả; tức là nội dung của hình thức, chứ không chỉ là hình thức của nội dung. Đừng ngại sợ những gì gọi bằng xã hội học mà gán cho nó là dung tục, hoặc tầm thường, trong khi xã hội học vẫn chưa hề cạn kiệt sinh lực trong những khám phá về mối quan hệ giữa văn và đời. Hãy nhìn vào các bậc thầy như H. Balzac, Xtăngđan, G. Flôbe; như L. Tonxtôi, F. Dostoievski, A. Sêkhốp; hoặc Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, thì thấy dẫu lý thuyết văn chương đã vươn lên một tầm xa, nhưng con đường của những bậc thầy này đã mở ra cho văn chương nhân loại vẫn cứ là một đại lộ. Họ vẫn cứ là những người khổng lồ mà các thế hệ đến sau như chúng ta hôm nay đang có lợi thế đứng trên vai họ; đừng nghĩ là có thể vượt lên họ, hoặc quay lưng với họ, xem họ như những gì là *quá đát*, lỗi thời./.

Tây Hồ 30-6-2014
Tháng 12-2015

Ngày nhận bài: 25/12/2015

Ngày gửi phản biện: 1/3/2016